**Câu 1:** Để đi độ dài của một vật ta nên dùng:

1. thước đo
2. gang bàn tay
3. sợi dây
4. cái chân

**Câu 2:** Đơn vị đo chiều dài trong hệ thống đo lường hợp pháp của nước ta là:

1. km
2. cm
3. mm
4. m

**Câu 3:** Giới hạn đo của thước là:

1. 1 mét
2. độ dài giữa hai vạch chỉ liên tiếp trên thước
3. độ dài lớn nhất ghi trên thước
4. cả 3 câu trên đều sai

**Câu 4:** Đơn vị đo thể tích chất lỏng thường dùng là:

1. mét khối
2. lít
3. đề-xi-mét khối
4. A và B đều đúng

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**: Giới hạn đo của bình chia độ là:

1. thể tích lớn nhất mà bình có thể chứa
2. thể tích chất lỏng lớn nhất mà bình có thể chứa
3. độ lớn của hai vạch chia liên tiếp ghi trên bình
4. số đo thể tích lơn nhất ghi trên bình

**Câu 6:** Để đo thể tích của một trái dưa hấu lớn hơn miệng bình chia độ đã có trong phòng thí nghiệ thì ta dùng:

1. bình chia độ
2. bình tràn
3. kết hợp bình tràn với bình chia độ
4. cả ba câu trên đều sai

**Câu 7:** Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống: Thể tích của một vật rắn bất kì không thấm nước có thể đo được bằng cách thả chim vật đó vào ….. đựng trong bình chia độ …… của phần chất lỏng tăng lên ……. thể tích của vật

1. nước , thể tích, lớn hơn
2. chất lỏng, thể tích, bằng
3. rượu, thể tích, bằng
4. B và C đều đúng

**Câu 8:** Khi vật rắn không bỏ lọt bình chia độ thì thả vật đó vào trong bình tran. Thể tích của phần chất lỏng tràn ra:

1. lớn hơn thể tích của vật
2. bằng thể tích của vật
3. nhỏ hơn thể tích của vật
4. nhỏ hơn thể tích của vật

**câu 9:** Điền vào chỗ trống đáp án **đúng**: Mọi vật đều có…….

1. khối lượng
2. trọng lương
3. hình dạng và kích thước
4. cả 3 câu trên đều đúng

**Câu 10:** Điền vào chỗ trống từ thích hợp : Khối lượng của 1 vật cho biết……. chứa trong vật

1. trọng lượng
2. lượng chất
3. số lượng phần tử
4. cả 3 câu trên đều sai

**Câu 11:** Điền vào chỗ trống đáp án đúng. ……… có đơn vị là kilogam

1. lượng
2. khối lượng
3. tọng lượng
4. trọng lực

**Câu 12:** Lực là:

1. tác dụng đẩy của vật này lên vật khác
2. tác dụng kéo của vật này lên vật khác
3. A và B đều đúng
4. A và B sai

**Câu 13:** Bạn A tác dụng vào bạn B một lực từ phía sau làm bạn B ngã sấp xuống sàn, đó là:

1. lực nén
2. lực kéo
3. lực uốn
4. lực đẩy

**Câu 14:** Một câu thủ đá vào trái banh tức là cầu thủ đã tác dụng vào trái banh một lực:

1. kéo
2. đẩy
3. hút
4. đàn hồi

**Câu 15:** Trọng lực là:

1. lực đẩy của Trái Đất
2. lực hút của Trái Đất
3. lực hút của Mặt Trời
4. lực đẩy của Mặt Trời

**Câu 16:** Trọng lực của Trái Đất tác dụng lên một vật đặt trên mặt đất là tác dụng của lực:

1. kéo
2. đẩy
3. hút
4. đàn hồi

**Câu 17:** Lực đàn hồi của lò xo:

1. chỉ xuất hiện khi lò xo bị kéo dãn ra
2. chỉ xuất hiện khi lò xo bị nén vào
3. luôn luôn xuất hiện trên lò xo
4. xuất hiện ngay cả khi lò xo bị kéo dãn ra hay bị nén vào

**Câu 18:** Chọn phát biểu đúng:

1. mọi vật đàn hồi đều có giới hạn đàn hổi của nó
2. lò xo là một vật không có giới hạn đàn hồi
3. giới hạn đàn hổi của lò xo chỉ có khi lò xo bị kéo dãn ra, còn khi nén vào thì không có
4. giới hạn đàn hồi tỉ lệ thuận với lực tác dụng lên vật

**Câu 19:** Lực nào dưới đây là lực đàn hồi:

1. trọng lực của một vật nặng
2. lực bóp giữa hai đầu ngón tay lên 2 đầu của 1 lò xo
3. lực bung của lò xo khi lò xo bị bóp giữa 2 đầu ngón ta
4. cả B và C đều đúng

**Câu 20:** Lực kế là dụng cụ vật lý dùng để:

1. đo khối lượng
2. đo lực đàn hồi
3. đo trọng lượng
4. đo lực

**Câu 21:** Trong các câu sau đây, câu nào đúng?

1. Lực kế là dụng cụ dùng để đo khối lượng
2. Cân Rôbecvan là dụng cụ dùng để đo trọng lượng
3. Lực kế là dụng cụ dùng để đo cả trọng lượng lẫn khối lượng
4. Lực kế là dụng cụ dùng để đo lực, còn cân Rôbecvan là dụng cụ dùng để đo khối lượng

**Câu 22:** Biểu thưc liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng là:

1. P = m
2. P = 10.m
3. P = $\frac{m}{10}$
4. P= 10 – m

**Câu 23:** Khi kéo vật lên theo phương thẳng đứng cần phải dùng lực có cường độ:

1. nhỏ hơn trọng lượng của vật
2. ít nhất bằng trọng lượng của vật
3. lớn hơn 10N
4. không xác định được

**Câu 24:** Các loại máy cơ đơn giản thường dùng gồm:

1. mặt phẳng nghiêng, động cơ, ròng rọc
2. mặt phẳng nghiêng, đòn bẩy, ròng rọc
3. động cơ, đòn bẩy, bập bênh
4. đòn bẩy, bập bênh, ròng rọc

**Câu 25:** Khi sử dụng mặt phẳng nghiêng để kéo vật, muốn dễ dàng hơn ta phải:

1. tăng độ cao mặt phẳng nghiên
2. giữ nguyên độ dài mặt phẳng nghiêng
3. dùng nhiều người kéo vật
4. giảm độ cao mặt phẳng nghiêng

**Câu 26:** Trong các dụng cụ sau đây, dụng cụ nào là đòn bẩy:

1. cái cầu thang gác
2. mái chèo
3. thùng đựng nước
4. quyển sách nằm trên bàn

**Câu 27:** Tác dụng của ròng rọc động là:

1. làm tăng lực kéo
2. làm lực kéo vật nhỏ hơn trọng lượng của vật
3. làm thay đổi hướng của lực
4. cả A và B đều đúng

**Câu 28:** Tác dụng của ròng rọc cố định là:

1. làm thay đổi hướng của lực kéo so với khi kéo trực tiếp
2. làm lực kéo vật lớn hơn khối lượng của vật
3. làm lực kéo vật nhỏ hơn trọng lượng của vật
4. vừa làm thay đổi hướng vừa làm thay đổi cường độ của lực

 **câu 29:** Tác dụng của hệ thống ròng rọc là:

1. làm tăng cường độ và đổi hướng của lực kéo
2. làm đổi hướng của lực kéo
3. làm giảm cường độ và đổi hướng của lực kéo
4. làm giảm cường độ của lực kéo

**Câu 30:** Máy cơ đơn giản nào sau đây không thể làm thay đổi đồng thời cẩ về độ lờn và hướng của lực:

1. ròng rọc cố định
2. ròng rọc động
3. mặt phẳng nghiêng
4. đòn bẩy